



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Nhóm công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty có đầu tư vào một công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Mai Thúy Mai	Trưởng ban
Ông Lê Phước Lộ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thế Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc

361
ÔN
HIỆ
C
M
D
P

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU
QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH
TRẦN ANH TUẤN



Số: 14.130/BCKTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm công ty), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2014 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và Công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0544-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		236.644.606.641	276.267.366.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.537.198.677	6.473.615.147
1. Tiền	111		29.351.467.427	6.473.615.147
2. Các khoản tương đương tiền	112		185.731.250	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	185.615.657.001	250.605.305.499
1. Phải thu khách hàng	131		178.902.017.223	248.190.840.478
2. Trả trước cho người bán	132		7.745.128.319	3.419.026.868
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		223.725.481	300.187.034
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.255.214.022)	(1.304.748.881)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	5.419.371.671	7.785.179.881
1. Hàng tồn kho	141		7.293.649.295	9.659.457.505
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.874.277.624)	(1.874.277.624)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.072.379.292	11.403.265.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	7.015.499.924	646.714.287
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.240.504.845	6.013.485.956
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	6.816.374.523	4.743.065.747

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.018.514.802	59.588.920.459
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		55.205.505.088	57.655.509.342
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	45.309.264.898	31.381.063.388
+ Nguyên giá	222		66.622.811.296	48.711.455.386
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.313.546.398)	(17.330.391.998)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	9.896.240.190	20.853.243.905
+ Nguyên giá	228		12.308.648.967	23.578.843.077
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.412.408.777)	(2.725.599.172)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			5.421.202.049
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.813.009.714	1.933.411.117
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.225.917.008	1.250.895.124
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	6.9	456.860.373	512.189.417
3. Tài sản dài hạn khác	268		130.232.333	170.326.576
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		293.663.121.443	335.856.286.976

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		202.047.407.684	236.514.719.287
I. Nợ ngắn hạn	310		198.949.855.608	235.738.879.287
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	81.799.070.006	73.219.845.110
2. Phải trả người bán	312	5.9	81.841.941.497	132.008.572.489
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	23.354.537.693	6.457.069.340
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	2.293.987.513	16.885.466.452
5. Phải trả người lao động	315	5.11	219.999.930	3.389.746.618
6. Chi phí phải trả	316	5.12	3.639.738.143	1.660.484.423
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	5.800.580.826	2.117.694.855
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330		3.097.552.076	775.840.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	3.097.552.076	775.840.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.794.310.598	93.812.575.724
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15.1	85.794.310.598	93.812.575.724
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15.2	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.900	1.123.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.963.240.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		349.878.228	349.878.228
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.155.674.609	813.386.788
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.15.6	8.250.873.861	12.648.186.808
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.16	5.821.403.161	5.528.991.965
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		293.663.121.443	335.856.286.976

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		210.807,44	201,06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

PHÒNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

30236
CÔN
CHNH
KIỂM
D.
T.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		352.753.199.241	379.880.624.214
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			1.349.386.828
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	352.753.199.241	378.531.237.386
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	281.725.317.983	302.888.684.530
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.027.881.258	75.642.552.856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		159.324.709	472.835.094
7. Chi phí tài chính	22	6.3	12.537.225.293	6.197.623.092
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		11.453.135.973	6.087.126.605
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	16.862.854.558	15.282.233.900
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	43.681.624.780	42.710.233.215
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.894.498.664)	11.925.297.743
11. Thu nhập khác	31	6.6	18.336.778.576	2.167.025.394
12. Chi phí khác	32	6.7	10.289.917.962	316.698.186
13. Lợi nhuận khác	40		8.046.860.614	1.850.327.208
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		6.152.361.950	13.775.624.951
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.8	1.702.337.075	3.686.397.998
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	55.329.044	49.746.517
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		4.394.695.831	10.039.480.436
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		292.411.196	45.694.789
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		4.102.284.635	9.993.785.647
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.15.4	531	1.249

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ THU HIỀN

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		470.833.767.040	301.522.847.439
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(395.822.935.661)	(290.433.361.153)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.622.032.860)	(26.669.448.772)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(11.453.135.973)	(6.071.262.445)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.824.348.446)	(3.561.790.157)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.104.017.689	4.133.604.565
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.717.185.297)	(2.463.513.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.498.146.492	(23.542.923.770)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.507.588.345)	(4.674.037.422)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		15.203.640.188	683.661.269
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			2.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		130.514.921	203.503.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.173.433.236)	(986.872.600)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.963.240.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		297.218.736.489	157.253.290.141
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(286.415.298.465)	(137.823.273.039)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.101.327.750)	(8.095.014.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.261.129.726)	11.335.002.702
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		23.063.583.530	(13.194.793.668)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.473.615.147	19.668.408.815
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		29.537.198.677	6.473.615.147

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HIỀN

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm công ty).

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 215 (31/12/2012: 202).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu	Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	69%	69%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu, báo cáo tài chính công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

9-C
TY
H
ÁN
L
CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá trị hàng tồn kho tại Công ty con được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và giá vốn của các dự án chưa hoàn thành và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các tài sản phân loại sang công cụ, dụng cụ là các tài sản cố định trước đây theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
+ Máy móc thiết bị	3 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 8 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam trong 30 năm của Công ty. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4.9 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.10 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Nhóm công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.11 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.14 Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:
 - Thuế suất năm 2013 của Công ty: 25%.
 - Thuế suất 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty con: 25%.
 - Thuế suất 6 tháng cuối năm 2013 của Công ty con: 20%
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Phần mềm tin học	0%
+ Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan	0%
+ Doanh thu thiết bị và hàng hóa	10%
+ Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác	10%

- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.15 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	237.042.554	260.897.880
Tiền gửi ngân hàng	29.114.424.873	6.212.717.267
Các khoản tương đương tiền	185.731.250	-
Tổng cộng	<u>29.537.198.677</u>	<u>6.473.615.147</u>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	178.902.017.223	248.190.840.478
Trả trước cho người bán	7.745.128.319	3.419.026.868
Các khoản phải thu khác	223.725.481	300.187.034
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>186.870.871.023</u>	<u>251.910.054.380</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.255.214.022)	(1.304.748.881)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>185.615.657.001</u>	<u>250.605.305.499</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng tại kho Công ty	3.989.258.896	2.927.870.604
Hàng đã xuất kho triển khai	2.865.735.444	5.843.731.990
Kho theo dõi hàng cho thuê	3.157.820	48.326.729
Kho theo dõi hàng Hà Nội	113.832.531	113.832.531
Nguyên liệu, vật liệu	237.111.276	211.265.923
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.553.328	514.429.728
Cộng giá gốc hàng tồn kho	7.293.649.295	9.659.457.505
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.874.277.624)	(1.874.277.624)
Giá trị thuần có thể thực hiện	5.419.371.671	7.785.179.881

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí chờ phân bổ cho các dự án đang triển khai	5.453.223.138	496.024.625
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.562.276.786	150.689.662
Tổng cộng	7.015.499.924	646.714.287

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	2.943.895.524	819.571.150
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.872.478.999	3.923.494.597
Tổng cộng	6.816.374.523	4.743.065.747

(Phần tiếp theo trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14.823.139.510	31.726.148.970	1.742.500.014	419.666.892	48.711.455.386
Mua trong năm	315.454.545	2.761.579.123	-	47.454.545	3.124.488.213
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	19.596.259.998	-	-	19.596.259.998
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(3.299.712.266)	-	(294.426.437)	(3.594.138.703)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.215.253.598)	-	-	(1.215.253.598)
Số dư cuối năm	15.138.594.055	49.569.022.227	1.742.500.014	172.695.000	66.622.811.296
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.480.922.264	15.175.071.851	439.275.014	235.122.869	17.330.391.998
Khấu hao trong năm	990.401.495	6.355.841.888	248.233.332	71.603.199	7.666.079.914
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(2.247.865.841)	-	(219.806.075)	(2.467.671.916)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.215.253.598)	-	-	(1.215.253.598)
Số dư cuối năm	2.471.323.759	18.067.794.300	687.508.346	86.919.993	21.313.546.398
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13.342.217.246	16.551.077.119	1.303.225.000	184.544.023	31.381.063.388
Tại ngày cuối năm	12.667.270.296	31.501.227.927	1.054.991.668	85.775.007	45.309.264.898

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 13.722.261.964 đồng – Xem thêm mục 5.8 và 5.14.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.631.965.651 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.144.596.006	1.434.247.071	23.578.843.077
Mua trong năm	-	48.106.000	48.106.000
Thanh lý nhượng bán	(11.199.142.250)	-	(11.199.142.250)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(119.157.860)	(119.157.860)
Số dư cuối năm	10.945.453.756	1.363.195.211	12.308.648.967
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.501.759.958	1.223.839.214	2.725.599.172
Khấu hao trong năm	602.699.537	104.671.713	707.371.250
Thanh lý nhượng bán	(984.752.161)	-	(984.752.161)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(35.809.484)	(35.809.484)
Số dư cuối năm	1.119.707.334	1.292.701.443	2.412.408.777
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.642.836.048	210.407.857	20.853.243.905
Tại ngày cuối năm	9.825.746.422	70.493.768	9.896.240.190

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 9.825.746.422 đồng - Xem thêm mục 5.8.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.090.547.330 đồng.

5.8. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	54.853.225.651	64.719.845.110
Vay đối tượng khác	24.959.679.354	8.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.14	1.986.165.001	-
Tổng cộng	81.799.070.006	73.219.845.110

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 8,9%/năm đến 13,9%/năm đối với VND. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U12b-16A, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 12.667.270.296 đồng và 9.825.746.422 đồng – Xem thêm mục 5.6 và mục 5.7.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 83B Đường Trần Kế Xương, Phường 7, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 43 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).
- Quyền đòi nợ đã hình thành, chưa hình thành và hàng hóa, thiết bị điện tử tin học, phần mềm,... là hàng hóa hình thành từ vốn vay được nhận kèm theo quyền đòi nợ chưa hình thành.
- Tín chấp quản lý nguồn thu phát sinh từ các hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và một số nhóm khách hàng riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Vay đối tượng khác là các khoản vay dưới hình thức tín chấp, thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 11%/năm đến 12,5%/năm bằng VND.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	81.841.941.497	132.008.572.489
Người mua trả tiền trước	23.354.537.693	6.457.069.340
Tổng cộng	<u>105.196.479.190</u>	<u>138.465.641.829</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	317.809.077	13.021.040.773
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.485.836
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.702.337.075	3.686.397.998
Thuế thu nhập cá nhân	273.841.361	173.541.845
Tổng cộng	<u>2.293.987.513</u>	<u>16.885.466.452</u>

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản thưởng năm 2013 còn phải trả cho người lao động.

5.12. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả cho các đối tác, chủ đầu tư	1.116.200.966	882.848.633
Chi phí thi công công trình	346.016.790	383.606.790
Khác	2.177.520.387	394.029.000
Tổng cộng	<u>3.639.738.143</u>	<u>1.660.484.423</u>

Chi phí phải trả khác có số tiền 1.740.666.667 đồng là chi phí trích trước tương ứng với doanh thu cung cấp đường truyền dịch vụ Internet đã xuất hóa đơn cho khách hàng – Xem thêm mục 5.13, theo hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu và các đối tác:

- Trung tâm điện toán Truyền số liệu Khu vực III.
- Chi nhánh Viettel Đà Nẵng – Tập đoàn viễn thông Quân đội.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	578.821.426	536.686.186
Tài sản thừa chờ xử lý	-	96.301.631
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.727.350	26.247.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	5.218.032.050	1.458.459.063
Tổng cộng	<u>5.800.580.826</u>	<u>2.117.694.855</u>

(*) Trong đó, khoản phải trả khác liên quan đến phần chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ Internet cho khách hàng trong 2 năm theo hợp đồng số 10. (DNG8b-DC) ngày 25/08/2012 giữa Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu và Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng có số tiền là 4.460.000.000 đồng.

5.14. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	510.432.000	775.840.000
Vay đối tượng khác	4.573.285.077	-
Nợ dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.8	(1.986.165.001)	-
Tổng cộng	<u>3.097.552.076</u>	<u>775.840.000</u>

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn 3 năm với lãi suất 5,4%/năm, có số dư nợ gốc đến 31/12/2013 là 265.440.000 đồng, và nợ dài hạn đến hạn trả là 244.992.000 đồng. Các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại là 1.054.991.668 đồng – Xem thêm mục 5.6.

Vay đối tượng khác là các khoản vay tín chấp bằng USD từ Công ty Cisco Systems Capital Asia Pte, thời hạn 3 năm và chịu lãi suất 6,51%/năm, có số dư nợ gốc đến 31/12/2013 là 2.832.112.076 đồng, và nợ dài hạn đến hạn trả là 1.741.173.001 đồng.

(Phần tiếp theo trang 23)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.15. Vốn chủ sở hữu**5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	1.123.900	-	349.878.228	1.146.765.974	11.157.501.409	92.655.269.511	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	9.993.785.647	9.993.785.647	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	
Trích lập quỹ	-	-	-	-	503.100.248	(503.100.248)	-	
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(836.479.434)	-	(836.479.434)	
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	1.123.900	-	349.878.228	813.386.788	12.648.186.808	93.812.575.724	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.102.284.635	4.102.284.635	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(7.999.908.300)	(7.999.908.300)	
Trích lập quỹ	-	-	-	-	499.689.282	(499.689.282)	-	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3.963.240.000)	-	-	-	(3.963.240.000)	
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(157.401.461)	-	(157.401.461)	
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	1.123.900	(3.963.240.000)	349.878.228	1.155.674.609	8.250.873.861	85.794.310.598	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông sáng lập	44.973.080.000	37.471.360.000
Cổ đông khác	35.026.920.000	42.528.640.000
Cổ phiếu quỹ	(3.963.240.000)	-
Tổng cộng	<u>76.036.760.000</u>	<u>80.000.000.000</u>

5.15.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
▪ Cổ tức đã chia	7.999.908.300	8.000.000.000
Cổ tức đã chia trong năm là cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông ngày 13/04/2013.		

5.15.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	396.324	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	7.603.676	8.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	4.102.284.635	9.993.785.647
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	7.722.030	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>531</u>	<u>1.249</u>

5.15.6. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	12.648.186.808	11.157.501.409
Lợi nhuận sau thuế trong năm	4.102.284.635	9.993.785.647
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(499.689.282)	(503.100.248)
Chia cổ tức	(7.999.908.300)	(8.000.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>8.250.873.861</u>	<u>12.648.186.808</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16. Lợi ích cổ đông thiểu số

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.528.991.965	5.483.297.176
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	292.411.196	45.694.789
Số dư cuối năm	<u>5.821.403.161</u>	<u>5.528.991.965</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	300.746.978.247	367.030.238.294
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.150.242.649	11.866.105.530
Doanh thu khác	1.855.978.345	984.280.390
Hàng bán trả lại	-	(1.349.386.828)
Doanh thu thuần	<u>352.753.199.241</u>	<u>378.531.237.386</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	246.939.034.099	290.528.986.508
Giá vốn cung cấp dịch vụ	33.191.708.277	11.067.843.108
Khác	1.594.575.607	1.291.854.914
Tổng cộng	<u>281.725.317.983</u>	<u>302.888.684.530</u>

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.453.135.973	6.087.126.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.055.926.037	86.190.412
Khác	28.163.283	24.306.075
Tổng cộng	<u>12.537.225.293</u>	<u>6.197.623.092</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

6.4. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	8.445.706.338	5.408.203.488
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.954.934	71.191.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	759.206.645	1.073.377.012
Chi phí bảo hành	101.346.654	56.677.875
Chi phí Pre-sales	815.382.782	905.864.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.806.685.291	4.045.507.473
Chi phí bằng tiền khác	4.815.571.914	3.721.412.272
Tổng cộng	<u>16.862.854.558</u>	<u>15.282.233.900</u>

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	28.005.670.453	26.232.354.125
Chi phí vật liệu quản lý	682.111.485	702.148.448
Chi phí đồ dùng văn phòng	318.665.202	186.193.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.079.302.871	4.499.328.437
Thuế, phí và lệ phí	24.190.091	14.768.000
Chi phí dự phòng	(49.534.859)	1.304.748.881
Phí chuyển tiền	452.471.096	393.303.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.574.357.095	6.363.359.248
Chi phí bằng tiền khác	2.594.391.346	3.014.028.979
Tổng cộng	<u>43.681.624.780</u>	<u>42.710.233.215</u>

6.6. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ	15.193.987.188	226.364.196
Thu nhập khác	3.142.791.388	1.940.661.198
Tổng cộng	<u>18.336.778.576</u>	<u>2.167.025.394</u>

6.7. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.214.390.089	281.033.516
Chi phí khác	75.527.873	35.664.670
Tổng cộng	<u>10.289.917.962</u>	<u>316.698.186</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	6.152.361.950	13.775.624.951
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	4.661.841.833	20.304.206
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(3.551.183.333)	(12.510.683)
Chuyển lỗ	(1.206.230.633)	(198.986.067)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	6.056.789.817	13.584.432.407
Thuế TNDN với thuế suất 25%	1.702.337.075	3.686.397.998
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	<u>1.702.337.075</u>	<u>3.686.397.998</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu như sau:

- Các khoản điều chỉnh tăng: phần chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ Internet nhưng đã xuất hóa đơn cho khách hàng và một số khoản mục chi phí không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN với số tiền 166,84 triệu đồng.
- Các khoản điều chỉnh giảm: chi phí trích trước tương ứng với doanh thu cung cấp đường truyền dịch vụ Internet đã xuất hóa đơn cho khách hàng.

6.9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại và Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Nhóm công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Chuyển lỗ	Doanh thu chưa thực hiện	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	561.935.934	-	561.935.934
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm trước	(49.746.517)	-	(49.746.517)
Số dư đầu năm nay	<u>512.189.417</u>	<u>-</u>	<u>512.189.417</u>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (hạch toán vào kết quả kinh doanh năm nay)	(262.968.711)	207.639.667	(55.329.044)
Số dư cuối năm nay	<u>249.220.706</u>	<u>207.639.667</u>	<u>456.860.373</u>

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Nhóm công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	Công ty con

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị của Công ty	680.481.300	860.796.540
Lương Tổng Giám đốc của Công ty	939.007.223	841.572.000
Tổng cộng	<u>1.619.488.523</u>	<u>1.702.368.540</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

▪ Quản lý rủi ro vốn

Nhóm công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15.

▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.537.198.677	6.473.615.147
Phải thu khách hàng và phải thu khác	177.870.528.682	247.186.278.631
Tài sản tài chính khác	3.829.476.954	4.093.821.173
Tổng cộng	<u>211.237.204.313</u>	<u>257.753.714.951</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	84.896.622.082	73.995.685.110
Phải trả người bán và phải trả khác	82.102.848.797	133.258.331.552
Chi phí phải trả	3.639.738.143	1.660.484.423
Tổng cộng	<u>170.639.209.022</u>	<u>208.914.501.085</u>

Nhóm công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhóm công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Nhóm công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhóm công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	2.394.948,34	3.537.508,14	210.816,44	201,06

Quản lý rủi ro lãi suất

Nhóm công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Nhóm công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Nhóm công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Nhóm công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Nhóm công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Nhóm công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Nhóm công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm công ty. Nhóm công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Nhóm công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Nhóm công ty phải trả.

	VND		
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	81.799.070.006	3.097.552.076	84.896.622.082
Phải trả người bán và phải trả khác	82.102.848.797	-	82.102.848.797
Chi phí phải trả	1.899.071.476	1.740.666.667	3.639.738.143
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	73.219.845.110	775.840.000	73.995.685.110
Phải trả người bán và phải trả khác	133.258.331.552	-	133.258.331.552
Chi phí phải trả	1.660.484.423	-	1.660.484.423

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lại từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	177.870.528.682	-	177.870.528.682
Tài sản tài chính khác	3.699.244.621	130.232.333	3.829.476.954
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	247.186.278.631	-	247.186.278.631
Tài sản tài chính khác	3.923.494.597	170.326.576	4.093.821.173

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 03 năm 2014.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỒ THỊ HỒNG HẠNH



TRẦN ANH TUẤN